

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**
Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày: 22/9/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Quang Dĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Hoàng Kim Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Mạnh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với:

Bị cáo: **Chu Đức C** (tên gọi khác: không), sinh ngày 18/3/1978, tại Lương Sơn - Hòa Bình.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: không.

Con ông: Chu Đức Th, sinh năm 1950; con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Có vợ là: Trần Thị Thu Tr (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2007. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình.

Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt N1, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 22/5/2017.(Quyết định số: 40-QĐ/UBKTTHU ngày 22/5/2017).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/05/2017. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; Địa chỉ: xóm 2, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
2. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1966; Địa chỉ: xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà 64, tổ 18, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
4. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ 3, phường Tân Thành, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
5. Anh Bùi Nam C1, sinh năm 1973; Địa chỉ: xóm Lò, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
6. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: xóm Chù Bụa, xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
7. Anh Hà Xuân M, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu 4, thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
8. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm 2, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
9. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: xã Th2 Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt.
10. Chị Xa Thị Thanh Th2, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn Công, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
11. Anh Xa Quý S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Thanh T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: tổ 7, phường Chăm Mát, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Chu Đức C bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chu Đức C nguyên là cán bộ công tác tại phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Hòa Bình. C biết một số người dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có nguyện vọng muốn xin cho con được đi học, đi làm hoặc mua xe thanh lý. Do đó khi những người có nhu cầu đến gặp hoặc C trực tiếp gặp gỡ, Chu Đức C đã chủ động đưa ra những lời hứa hẹn không có thật, để những người này tin tưởng giao tài sản (tiền) cho C, sau đó C đã chiếm đoạt và chi tiêu vào mục đích cá nhân. Trong thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2016 Chu Đức C đã thực hiện hành vi gian dối đối với 11 công dân để chiếm đoạt 2.568.940.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Vào tháng 01/2014 thông qua các mối quan hệ xã hội, Chu Đức C quen biết ông Nguyễn Văn B; trú tại xóm 2, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình. Sau khi biết ông B đang có nhu cầu xin cho con gái là Nguyễn Thị Ng vào học tại trường Công an nhân dân. C giới thiệu mình có khả năng xin cho cháu Ng vào trường Trung cấp cảnh sát nhân dân tại Sóc Sơn - Hà Nội, cam kết sẽ xin cho cháu được đi học, với chi phí là 250.000.000 đồng. Ngày 30/3/2014 ông B đưa cho Chu Đức C 75.000.000 đồng; đến ngày 04/10/2014 đưa tiếp 140.000.000 đồng, tổng là 215.000.000 đồng. Từ đó đến nay C không thực hiện thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền 215.000.000 đồng của ông B và chi tiêu cá nhân hết.

2. Do có mối quan hệ từ trước với ông Đinh Văn H; trú tại: xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình; C giới thiệu có khả năng xin cho con ông H là Đinh Thị Q vào biên chế Y tế học đường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình với chi phí 80.000.000 đồng. Ngày 24/5/2014 ông H giao cho C 20.000.000 đồng; ngày 08/6/2014 đưa tiếp 40.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng. Sau khi biết C không xin được việc ông H đã đòi lại tiền; C đã trả cho ông H 20.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng C chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

3. Vào tháng 8/2014, ông Nguyễn Văn L1; trú tại: tổ 18, đường Trần Hưng Đạo, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình; đã gặp đặt vấn đề nhờ Chu Đức C xin cho con trai vào công tác tại Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động. Tuy không có khả năng và chức năng này, nhưng C vẫn nhận lời và yêu cầu ông L1 đưa 500.000.000 đồng tiền chi phí xin việc. Vào các ngày 26/10/2015; 21/01/2016; tháng 02/2016; tháng 03/2016 ông L1 đã đưa cho C tổng cộng 475.000.000 đồng. Chu Đức C đã chiếm đoạt số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết. Theo ông L1, C còn vay ông 28.000.000 đồng, nhưng C chỉ thừa nhận 15.000.000 đồng.

4. Trong năm 2014 Chu Đức C đã giới thiệu với ông Nguyễn Thanh H; trú tại: tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình về việc mua xe máy thanh lý của

Trung tâm dịch vụ đấu giá - Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình. Từ ngày 08/10/2014 đến ngày 22/11/2014 ông H đã đưa cho C 103.690.000 đồng, để mua lô xe gồm 29 xe máy với tổng số tiền 60.800.000 đồng. Sau đó hai bên đã thống nhất đối trừ, C còn nợ lại ông H 42.890.000 đồng. Do đã tiêu hết số tiền 42.890.000 đồng trên, nên đến tháng 02/2015 C gặp và trao đổi với ông H đưa thêm tiền để dần tiếp tục mua lô xe thanh lý mới nhằm mục đích để chiếm đoạt tiền của ông H. Do tin tưởng C nên ông H đã đưa thêm cho C 20.050.000 đồng. Tổng cộng C đã nhận của ông H số tiền 62.940.000 đồng; C đã chiếm đoạt số tiền này và chi tiêu cá nhân hết.

5. Khoảng tháng 8/2015, Chu Đức C biết anh Bùi Văn C1; trú tại: xóm Lò, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, có con trai là Bùi Hoàng N1 đang học lớp 9, nên C đặt vấn đề xin cho con của C1 vào học tại trường Văn hóa 1 - Bộ công an với chi phí 400.000.000 đồng. Anh C1 đồng ý, trong hai ngày 24/8/2015 và 21/9/2015 anh C1 đã chuyển tổng số tiền 246.000.000 đồng cho Chu Đức C; C không thực hiện thỏa thuận và chiếm đoạt số tiền trên chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

6. Vào khoảng tháng 8/2015, do biết Bùi Văn C1 đang nhờ C xin học cho con, nên anh Bùi Văn T trú tại: xóm Chù Bụa, xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình gặp và nhờ Chu Đức C xin cho con trai T là Bùi Đức Th3 vào học tại trường Văn hóa 1- Bộ công an, C đồng ý và yêu cầu chi phí khoảng 500.000.000 đồng. Vào các ngày 28/8/2015 và 23/9/2015 anh T đã đưa cho C tổng số tiền 600.000.000 đồng. C đã chiếm đoạt số tiền trên sử dụng để chi tiêu mục đích cá nhân hết.

7. Vào tháng 8/2015, do biết C1 và T đang nhờ C xin cho con học, anh Hà Xuân M; trú tại tiểu khu 4, thị trấn Mường Khén, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đã gặp và nhờ Chu Đức C xin cho vợ là Bùi Thị L2 vào biên chế giáo viên mầm non trên địa bàn huyện Tân Lạc, C đồng ý và yêu cầu chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Từ đầu tháng 01/2016 đến tháng 3/2016 anh M đưa cho C tổng số 140.000.000 đồng. C đã chiếm đoạt số tiền trên và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

8. Khoảng tháng 6/2016, C biết anh Nguyễn Văn N; trú tại xóm 2, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đang muốn xin cho con trai là Nguyễn Văn K thi đỗ vào trường Công an nhân dân và biên chế nghĩa vụ tại Công an tỉnh Hòa Bình, nên C giới thiệu có khả năng thực hiện việc này với chi phí 200.000.000 đồng. Anh N đồng ý, trong ngày 25/6/2016 anh N đã chuyển số tiền 200.000.000

đồng cho Chu Đức C, đến tháng 9/2016 đưa tiếp cho C 25.000.000 đồng, tổng 225.000.000 đồng. Chu Đức C đã chiếm đoạt số tiền trên và chi tiêu cá nhân hết.

9. Vào khoảng tháng 6/2016, anh Nguyễn Văn H1; trú tại xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, có gặp và nói chuyện với C về việc anh H1 có 5 xe ô tô cho thuê tự lái, số xe trên đang bị Công an tỉnh Hòa Bình tạm giữ vì liên quan đến các vụ án mua bán, vận chuyển ma túy, anh H1 đang muốn tìm số xe trên. Chu Đức C nhận lời tìm hộ xe cho anh H1. Qua tìm hiểu C biết đây xe tang vật của vụ án, sau khi Tòa án xét xử sẽ tuyên trả số xe trên cho chủ sở hữu là anh H1. C yêu cầu anh H1 đưa 350.000.000 đồng để xin lại lô xe này. Trong các ngày 14/9 và 23/9/2016, anh H1 đã chuyển cho C 280.000.000 đồng vào tài khoản, ngoài ra còn đưa thêm vài lần khoảng 70.000.000 đồng, tổng anh H1 đã đưa cho C 350.000.000 đồng. Chu Đức C đã chiếm đoạt số tiền này và chi tiêu cá nhân hết.

10. Vào tháng 7/2016 chị Xa Thị Thanh Th2; trú tại: thôn Công, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình có đặt vấn đề với C về việc gia đình đang có nhu cầu xin cho con gái là Nguyễn Thị U vào học tại trường Trung cấp cảnh sát. C nói mình có khả năng xin được với chi phí 400.000.000 đồng, chị Th2 đồng ý nhờ C giúp. Vào ngày 20/7/2016 và 20/9/2016 chị Th2 đã giao cho C tổng 190.000.000 đồng. Chu Đức C đã chiếm đoạt số tiền trên chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

11. Ngày 28/3/2016 Chu Đức C đã ký H đồng thuê xe ô tô tự lái với ông Đỗ Thanh T1; trú tại: tổ 7, phường Chăm Mát, thành phố Hòa Bình, để thuê chiếc xe ô tô BKS 30N-2843, giá thuê 500.000 đồng/01 ngày.

Trong quá trình sử dụng xe, tuy không phải xe của mình nhưng C đã đặt vấn đề bán chiếc xe trên cho anh Xa Quý S; trú tại: tiểu khu 7, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình với giá 75.000.000 đồng. Do tin tưởng là xe của C, nên anh S đã đồng ý mua và đã trả cho C 50.000.000 đồng, đồng thời thống nhất khi nào C giao giấy tờ xe cho anh S thì anh S trả nốt 25.000.000 đồng.

Ngày 21/7/2016 do anh S đòi giấy tờ xe nhiều lần, nên C đã trả lại cho S 25.000.000 đồng, thỏa thuận viết giấy hẹn đến ngày 23/7/2016 sẽ trả nốt 50.000.000 đồng (trong đó có số nợ 25.000.000 đồng S sửa xe) cho S và nhận lại xe. C không thực hiện thỏa thuận và anh Xa Quý S yêu cầu cơ quan điều tra xem xét giải quyết.

Từ tháng 9/2016 không thấy C trả tiền thuê xe ô tô theo như H đồng đã ký, ông T1 có đơn yêu cầu cơ quan Công an giải quyết. Ngày 10/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ chiếc xe ô tô BKS 30N-2843 và trưng cầu giám định. Tại bản kết luận giám định số 162/HĐ-ĐGTS kết luận chiếc xe ô tô trên có giá

160.000.000 đồng. Ngày 09/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là ông Đỗ Thanh T1.

Đối với ông Đỗ Thanh T1, có H đồng dân sự về việc thuê xe tự lại với Chu Đức C, quá trình thuê xe C đã trả cho ông T1 70.000.000 đồng, hiện còn 100.0000.000 đồng, ông T1 yêu cầu C tiếp tục thanh toán theo H đồng đã ký.

Như vậy, sau khi thuê được xe ô tô, C đã thực hiện việc bán xe ô tô không phải của mình cho Xa Quý S để chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Sau khi thực hiện các hành vi phạm tội, ngày 06/5/2017 Chu Đức C đã đến cơ quan Công an đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2016, Chu Đức C đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với 11 công dân, số tiền chiếm đoạt là 2.568.940.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong vụ án này các bị hại còn khai báo ngoài số tiền C chiếm đoạt như trên, C còn chiếm đoạt một số tiền khác bằng hình thức sửa xe, cho vay. Tuy nhiên không có căn cứ chứng minh nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự.

Bản cáo trạng số 19/KSĐT ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Chu Đức C về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về những hành vi phạm tội theo cáo trạng, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt Chu Đức C từ 13 đến 14 năm tù. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự buộc bị cáo hoàn trả lại cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Chu Đức C khai nhận:

Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2016 Chu Đức C là cán bộ công tác trong ngành Công an của tỉnh Hòa Bình, mặc dù không có chức năng xin việc, xin đi học, xin mua xe thanh lý, xin lại xe vật chứng. Nhưng C đã dùng danh nghĩa mình

là cán bộ trong ngành Công an, lợi dụng vào sự quen biết xã hội, đưa thông tin gian dối cho những công dân để họ tin rằng C có khả năng xin việc, xin lại xe vật chứng, xin mua xe thanh lý, có ô tô bán làm những người này tin tưởng giao tài sản là tiền cho C, sau đó C chiếm đoạt số tiền này của họ sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Xét lời khai của bị cáo phù H với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cũng như phù H với các tài liệu, chứng cứ thu thập xác minh có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Chu Đức C có hành vi gian dối làm 11 công dân tin tưởng giao tài sản là tiền cho C với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là: 2.568.940.000 đồng. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Chu Đức C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của cán bộ cơ quan Nhà nước.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức hiểu biết pháp luật. Bị cáo lợi dụng là cán bộ công chức công tác tại Công an tỉnh Hòa Bình, để có tiền chi tiêu cho bản thân Chu Đức C đã đưa ra những thông tin gian dối làm cho những người bị hại tin tưởng giao kết và đưa tài sản cho C. Sau khi nhận tiền từ những người bị hại C đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Trong thời gian ngắn bị cáo dùng danh nghĩa là công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự : *“Phạm tội nhiều lần”* đối với bị cáo. Vì vậy cần thiết phải lên một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; đã ra đầu thú; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có bố là ông Chu Đức Th được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại ông Nguyễn Văn L1, anh Xa Quý S đã có những thỏa thuận dân sự. Đây là những thỏa thuận không trái pháp luật nên cần chấp nhận:

Bị cáo và ông Nguyễn Văn L1 thỏa thuận bị cáo trả cho ông L1 số tiền đã vay là 28.000.000 đồng.

Bị cáo trả và anh Xa Quý S thỏa thuận: bị cáo trả cho anh S số tiền anh S đã sửa xe là : 25.000.000 đồng.

Đối với số tiền thuê xe bị cáo còn nợ lại của ông Đỗ Thanh T1, nay ông Đỗ Thanh T1 có yêu cầu bị cáo trả số tiền trên theo H đồng thuê xe. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả cho ông Đỗ Thanh T1 số tiền: 100.000.000 đồng, theo H đồng thuê xe giữa bị cáo và ông T1 thỏa thuận.

Bị cáo Chu Đức C đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 11 công dân tổng số tiền là: 2.568.940.000 đồng do vậy cần buộc bị cáo phải trả lại cho 11 công dân toàn bộ số tiền trên theo Điều 42 Bộ luật hình sự. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn B: 215.000.000 đồng
- Ông Đinh Văn H: 40.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn L1: 475.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Thanh H: 62.940.000 đồng
- Anh Bùi Văn C1: 246.000.000 đồng
- Anh Bùi Văn T: 600.000.000 đồng
- Anh Hà Xuân M: 140.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn N: 225.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn H1: 350.000.000 đồng
- Chị Xa Thị Thanh Th2: 190.000.000 đồng
- Anh Xa Quý S: 25.000.000 đồng

Về vật chứng của vụ án:

01 gói giấy niêm phong, bên trong đựng 399.690.000 đồng do Chu Đức C giao nộp để khắc phục hậu quả. (Hiện số tiền này đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình). Xét thấy cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Chu Đức C phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Đức C 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Chu Đức C phải hoàn trả 2.721.940.000 (*Hai tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn*) đồng cho những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể:

- Trả cho ông Nguyễn Văn B: 215.000.000 đồng
- Trả cho ông Đinh Văn H: 40.000.000 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Văn L1: 503.000.000 đồng
- Trả cho ông Nguyễn Thanh H: 62.940.0000 đồng
- Trả cho anh Bùi Văn C1: 246.000.000 đồng
- Trả cho anh Bùi Văn T: 600.000.000 đồng
- Trả cho anh Hà Xuân M: 140.000.000 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Văn N: 225.000.000 đồng
- Trả cho anh Nguyễn Văn H1: 350.000.000 đồng
- Trả cho chị Xa Thị Thanh Th2: 190.000.000 đồng
- Trả cho anh Xa Quý S: 50.000.000 đồng
- Trả cho ông Đỗ Thanh T1: 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điều 41 bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tạm giữ: Số tiền 399.690.000 đồng trong 01 (một) gói niêm phong còn Ng vẹn. Bên ngoài một mặt có ghi “Tang vật do Chu Đức C giao nộp”. Trên mép dán có 07 dấu tròn đỏ niêm phong của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hòa Bình (một số dấu đã bị nhòe) và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong để bảo đảm thi hành án. Tại phiếu thu số 05008 ngày 22/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

(Chi tiết vật chứng nêu trên được ghi cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB-GNVC ngày 08/9/2017 giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình.)

4. Về án phí:

Bị cáo Chu Đức C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 86.438.000 đồng án phí dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- CA tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Quang Dĩnh